

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1175/UBND - KGVX
V/v triển khai thực hiện dự
toán chi khám bệnh, chữa bệnh
BHYT năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 20 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (KCB BHYT) năm 2019;

Xét đề nghị của Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Công văn số 607/BHXH-GĐBHYT ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ; ý kiến đề xuất của Liên ngành Sở Y tế - Sở Tài chính - Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Biên bản làm việc ngày 09 tháng 5 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phân bổ dự toán chi KCB BHYT năm 2019 cho các đơn vị theo như đề xuất của Liên ngành tại các Văn bản nêu trên (*Chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

2. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh: Thông báo dự toán chi KCB BHYT năm 2019 đến từng cơ sở y tế; tổ chức thực hiện hợp đồng KCB BHYT với cơ sở y tế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan triển khai một số nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai giải pháp thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí KCB BHYT đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao của địa phương (*hoàn thành trước 15 tháng 6 năm 2019*); thực hiện nghiêm túc quy định về tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp số chi KCB BHYT trong năm vượt dự toán giao, khẩn trương thẩm định, xác định số vượt dự toán theo từng nguyên nhân, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo; đồng thời, trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Quản lý Quỹ dự phòng tại tỉnh để điều tiết, chi trả chi phí KCB BHYT cho cơ sở y tế mới thành lập, triển khai dịch vụ kỹ thuật mới, thay đổi chức năng nhiệm vụ...;

- Tăng cường công tác truyền thông về BHYT, vận động người dân tham gia BHYT phù hợp với từng nhóm đối tượng để đạt chỉ tiêu phát triển BHYT của địa phương theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành trung ương về tình hình thực hiện công tác KCB BHYT và những khó khăn, vướng mắc, đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ xin ý kiến chỉ đạo, giải quyết theo quy định.

3. Giao Sở Y tế

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật bệnh viện, hướng dẫn chẩn đoán và điều trị do Bộ Y tế ban hành; thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về KCB BHYT và việc chuyển dữ liệu cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định để phục vụ cho việc giám định, thanh toán;

- Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và cơ quan có liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về BHYT thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; có giải pháp để ngăn chặn tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT;

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự toán chi KCB BHYT năm 2019;

- Chỉ đạo Thủ trưởng các cơ sở y tế chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí KCB BHYT được phân bổ đúng quy định, hiệu quả, trong phạm vi nguồn kinh phí được giao, không vượt quá tổng mức thanh toán chi phí KCB BHYT; đảm bảo quyền lợi của người bệnh; cung ứng đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT; nâng cao tinh thần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ định xét nghiệm, điều trị nội trú và sử dụng dịch vụ, nhất là dịch vụ kỹ thuật và thuốc ngoại nhập có giá thành cao.

4. Sở Tài chính: Căn cứ dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, chuyển đủ, kịp thời kinh phí ngân sách đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố; các cơ sở y tế thuộc địa phương quản lý thực hiện nghiêm việc quản lý và sử dụng có hiệu quả kinh phí KCB BHYT. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BHYT trên địa bàn, vận động người dân tham gia BHYT phù hợp với nhóm đối tượng để đạt được chỉ tiêu bao phủ BHYT của địa phương theo Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- BHXH Việt Nam (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh, PVP phụ trách KGVX;
- Lưu: VT, KGVX₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tháp

BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2019
 (Kèm theo Công văn số: 127/SMBND-KGVX ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng.

Số TT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở	Chi KCB BHYT đã được thẩm định năm 2018						Dự toán chi KCB BHYT năm 2019				
			Số thẻ ĐKBĐ	Chi của bệnh nhân nội tỉnh			Chi đa tuyến đến ngoại tỉnh	Tổng chi tại cơ sở KCB	Chi của bệnh nhân nội tỉnh			Chi đa tuyến đến ngoại tỉnh	Tổng chi KCB
				Chi KCB ban đầu	Chi đa tuyến đến nội tỉnh	Tổng chi của BN nội tỉnh			Chi KCB ban đầu	Chi đa tuyến đến nội tỉnh	Tổng chi của BN nội tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7=5+6	8	9=7+8	10	11	12=10+11	13	14=12+13
I	Số chi KCB phân bổ cho từng cơ sở y tế			131.570	178.371	309.941	14.474	324.415	130.465	177.062	307.527	14.337	321.864
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum	62001	24.828	22.816	139.131	161.947	7.858	169.805	23.925	137.391	161.316	7.745	169.061
2	TTYT huyện Đăk Glei	62002	47.193	16.577	178	16.755	139	16.894	16.602	495	17.097	159	17.256
3	TTYT huyện Ngọc Hồi	62003	31.448	2.471	360	2.831	49	2.880	2.497	339	2.836	50	2.886
4	TTYT huyện Đăk Tô	62004	41.022	12.936	1.011	13.947	226	14.173	12.969	1.225	14.194	241	14.435
5	TTYT huyện Sa Thầy	62005	47.102	13.584	135	13.719	287	14.006	13.653	390	14.043	286	14.329
6	TTYT huyện KonPlong	62006	25.379	6.674	94	6.768	170	6.938	6.691	221	6.912	161	7.073
7	TTYT huyện Đăk Hà	62007	68.190	21.303	306	21.609	699	22.308	21.316	650	21.966	723	22.689
8	TTYT huyện Kon Rẫy	62008	26.531	11.371	223	11.594	166	11.760	11.092	354	11.446	169	11.615
9	TTYT TP.Kon Tum	62009	93.811	7.202	742	7.944	247	8.191	7.275	749	8.024	249	8.273
10	TTYT Điều dưỡng cao su Kon Tum	62011	1.352	205	1.143	1.348	97	1.445	201	1.145	1.346	98	1.444
11	TTYT huyện Tu Mơ Rông	62013	27.920	8.754	136	8.890	53	8.943	6.522	205	6.727	53	6.780
12	BV Y dược cổ truyền - PHCN	62058	2.432	556	8.760	9.316	1.018	10.334	641	8.532	9.173	1.018	10.191
13	Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	62124	2.637	340	1.021	1.361	592	1.953	342	1.027	1.369	590	1.959
14	Bệnh xá BCH Sư đoàn 10 (D24F10)	62126	3.940	304	4.688	4.992	563	5.555	335	4.687	5.022	552	5.574
15	Bệnh viện ĐKKV Ngọc Hồi	62127	4.102	3.874	19.621	23.495	1.530	25.025	3.828	18.561	22.389	1.494	23.883
16	Bệnh xá binh đoàn 15 (Sa Thầy)	62132	1.587	287	420	707	40	747	286	414	700	39	739
17	TTYT huyện Ia H'drai	62140	7.249	2.297	100	2.397	426	2.823	2.271	119	2.390	391	2.781
18	Bệnh xá Công an tỉnh	62141	0	0	0	0	304	304	0	153	153	306	459
19	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	0	0	286	286	8	294	0	388	388	11	399
20	Bệnh xá QDY thuộc Công ty 732/BĐ 15	62810	929	19	16	35	2	37	19	17	36	2	38
II	Quỹ dự phòng tại tỉnh							0			40.681	1.390	42.071
III	Chi CSSK ban đầu							3.896			3.835		3.835
IV	Chi thanh toán trực tiếp							238			300		300
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)			457.652	131.570	178.371	309.941	14.474	328.549	130.465	177.062	352.343	15.727	368.070

Ghi chú:

- Chi phí của Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2018 đã bao gồm chi phí của Ban Bảo vệ CSSK cán bộ tỉnh; Chi phí năm 2018 tại 02 cơ sở Bệnh viện Y Dược cổ truyền và Bệnh viện Phục hồi chức năng được gộp chung vào Bệnh viện
- Quỹ dự phòng tại tỉnh: Chi phí dự phòng gồm 5% số chi tại tỉnh và số chi phí còn lại chưa phân bổ hết cho các đơn vị.